

Ý nghĩa hạnh trì bình khát thực của nhà Phật

Hạnh trì bình khát thực còn có nhiều ý nghĩa, lợi ích lẫn kẻ thí và người thọ, nên chư Tăng trong Phật giáo không được phép bỏ qua.

**PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY NAM TÔNG
THERAVADÀ**

Ý nghĩa

HẠNH TRÌ BÌNH KHÁT THỰC

CỦA NHÀ PHẬT

Dịch giả: ASOKÀ và BHADRÀ

Dưới sự hướng dẫn và giúp sức của Đại Đức

NARADA Maha Thera

Tháng 5-1960/2504 KỶ VIÊN TỰ Saigon

LỜI TỰA

Phật Giáo Nguyên Thủy Nam Tông truyền bá trong đất nước Việt Nam chậm trễ hơn Phật Giáo Tân Tiến Bắc Tông, cho nên đa số đồng bào ta chưa hiểu ý nghĩa hạnh trì bình khát thực của nhà Sư. Có nhiều người có ý nghĩ dưới đây:

- Tu mà làm biếng không làm lấy mà ăn, đi xin của người thì công đức tu hành của mình sẽ về cho người ta hết.
- Tu theo người Miên, đi trì bình, chết rồi sẽ đầu thai thành người Miên.
- Nếu là chân tu thì ăn, ở có ngôi thứ tu hành có nơi, có chốn, tín đồ dâng cúng ăn không hết, khỏi phải đi ăn xin như kẻ ăn mày.
- Thì giờ đi xin ăn, nên lo tu hay lo trồng tỉa lấy mà ăn.

Chúng tôi xin trình bày ý nghĩa trì bình khát thực của nhà Phật để được phổ thông trong đồng bào, nhất là vị nào chưa hiểu biết.

Rất mong lời giải thích đơn sơ, tóm tắt này giúp ích được phần nhỏ mọn trong sự khởi đầu tìm hiểu Phật Giáo Nguyên Thủy Nam Tông.

Ý nghĩa

HẠNH TRÌ BÌNH KHÁT THỰC CỦA NHÀ PHẬT

000

Thuở Đức Phật trở về cứu quốc, xứ Ca Bì La Vệ, một buổi sáng nọ, Đức Thế Tôn cùng 1.250 vị Tỳ Khưu vào thành, tuần tự đi trì bình khát thực.

Đức Tịnh Phạn Vương còn đương trong phòng rửa mặt, chải tóc, bà Da Du Đà La vào tâu rằng: “Muôn tâu phụ vương, Thái Tử Sĩ Đạt Ta đã trở về, nhưng còn mang bát đi xin ăn dài theo đường”. Đức vua nghe qua rất bất bình, vội vàng quần tóc, xóc áo xuống lầu đến đón ngay trước mặt Đức Thế Tôn. Đang đi, Đức Phật dừng lại, với tướng hảo quang minh, oai nghiêm, từ mẫn khác thường, vua Tịnh Phạn trong lòng bồi hồi, nửa mừng, nửa ngại. Nhưng vì lòng tự tôn của hoàng tộc, đức vua cung kính bạch rằng: “Bạch quá Đức Thế Tôn người trong hoàng gia luôn luôn sống trên trăm họ, ngọc ngà, châu báu, vàng bạc thiếu chi. Trẫm lấy làm xấu hổ mà thấy Đức Thế Tôn đi hành khát mong nhận vật thí của dân gian để sống như vậy. Bạch quá Đức Thế Tôn cùng Chư Tăng ngự an một chỗ trong hoàng cung, cho trẫm lo việc ăn uống hằng ngày, để trẫm khỏi đau buồn tủi hổ.”

Đức Phật ôn tồn trả lời: “Kính thưa phụ vương, quả thật từ xưa, hàng vương tước vẫn sống trong cung vàng điện ngọc, khô lân chả phụng thiếu chi. Nhưng đây là đời sống của Phật, Như Lai hôm nay vẫn giữ hạnh trì bình khát thực theo Chư Phật trong quá khứ. Phụ vương chớ nên e ngại, hạnh trì bình khát thực này có nhiều phúc báu lớn lao cho tất cả bá tánh”.

Sự tích tóm tắt hạnh trì bình khát thực của Đức Phật mà chư Tăng Phật Giáo Nam Tông trên thế giới phải noi theo là thi hành đúng theo Pháp giáo của Đức Phật Tổ Thích Ca.

Hơn nữa, hạnh trì bình khát thực còn có nhiều ý nghĩa, lợi ích lẫn kẻ thí và người thọ, nên chư Tăng trong Phật giáo không được phép bỏ qua.

Hạnh trì bình khát thực có những ý nghĩa như dưới đây:

1. Diệt tánh tự cao ngã mạn:

Khi đã thế phát, ly gia cắt ái, nguyện xuất gia làm Tăng đồ, tức là được sanh vào dòng Phật, dù trước kia là vua quan nhà tướng, phú hộ, giàu sang quyền quý đến

đâu, nay đã xuất gia rồi, có Tam y, quả bát là món cần thiết cho sự sống hằng ngày, để khỏi bận tâm lo sắm vật thực. Hằng ngày mang bát xin ăn, đi từ nhà này sang nhà khác, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, chủng tộc. Đã là kẻ ăn xin, tự nhận mình gởi sự sống nhờ nơi kẻ khác, tùy lòng bố thí; dở, ngon, nhiều, ít, mặn, lạt cũng vui lòng nhận. Tánh tự cao ngã mạn của mình đương nhiên bị mài dũa dưới cấp hạ đẳng bần dân là một kẻ ăn xin. Nếu gặp phải kẻ chê bai, chỉ trích, nhà sư cũng cam chịu với lòng nhẫn nại và thứ tha cho người kém sự hiểu biết. Nhờ đó mà lòng sân hận, tự ái, không có cơ phát khởi.

Bình thân chịu đựng mọi lời gièm pha, nhẩn nại với nắng chang, đá cứng, nhà sư đem cái thân Như Lai tướng ra gợi ý cho những người có lòng bác ái; và nhân đó, họ suy nghĩ đến nền đạo đức của nhà Phật mà phát tâm thương xót, thể hiện bằng cách bố thí, rồi tìm hiểu giáo lý đạo Phật thêm.

2. Giảm dị trong sự sống hằng ngày:

Nhà sư đi trì bình khát thực, không còn phải chịu theo vị giác nữa, không bị sự thèm ăn làm chủ. Thế thường, vì sự thèm ăn mà người đời phải nhọc nhằn, cực khổ và gây nên tội. Nhà sư chỉ cần ăn lấy no để cho cơ thể khỏi bị bệnh đói hoành hành, hầu rảnh tâm tu hành học tập. Như thế, món ăn chỉ là thuốc trừ bệnh đói thôi. Những khi đau ốm khó chịu, vì muốn lành mạnh mà ta phải uống thuốc. Dù chua, hôi, cay, đắng đến đâu ta cũng phải uống, vì cần yếu là được mạnh lành. Sự ăn uống của nhà sư cũng như thế ấy, dù mặn, lạt, dở, ngon cũng phải ăn, phải nuốt cho xong. Nhà sư nghĩ rằng: Vật thực này chỉ là nguyên chất của đất, nước, gió, lửa ta phải đem nhập vào thân thể để nuôi dưỡng xác thân, đất, nước, gió, lửa này cho nó đầy đủ, để khỏi phải thiếu kém mà sanh bệnh hoạn, khó chịu, đáng ta nhờ nó mà tu hành theo phạm hạnh. Vì thế nên ai cho ăn món chi, thì nhà sư ăn nấy, không thể đòi hỏi theo ý mình hay cố chấp, món chay, món mặn. Hơn nữa, nếu nhà sư không giảm dị trong thức ăn, không làm chủ vị giác được, thì còn bao nhiêu việc thèm thuồng ham muốn khác, nó sẽ sai sứ đòi hỏi, rồi phải chịu theo tức là làm nô lệ nó, thì nó sẽ dắt dẫn ta đi dần vào tội lỗi. Vì thế nên nhà sư phải làm chủ vị giác là trận tuyến đầu tiên mà nhà sư phải quyết thắng, mới mong tiến bước trên đường đạo pháp.

3. Trực tiếp thọ ân xã hội:

Chúng ta sống trong trần thế không thể cô độc được. Ta phải chung sống với xã hội loài người, quần tụ nương tựa cùng nhau. Thử nghĩ, một người bị đắm thuyền trôi dạt vào một hoang đảo, hay một người đi lạc vào rừng sâu, sự sống cô độc sẽ gặp bao nhiêu điều khó khăn bất tiện. Từ việc ăn, ở, đến việc bảo toàn sinh mạng, sức khỏe làm sao cho chu đáo được. Vì thế nên loài người phải sống tập thể để có giúp

đỡ, đỡ chác lẫn nhau. Chúng ta thấy đồng bào miền sơn cước người Thượng, ít hiểu biết về văn hoá, trí khôn còn thấp kém, mà còn biết sống chung với nhau từng xóm, từng sóc. Khi có điều chi không vừa ý, thì dời đi nơi khác và cũng cùng đi hết cả xóm, cả sóc. Đến loài chim, loài ong, loài kiến v.v...cũng sống hợp bầy cùng nhau. Thế thì sự liên quan mật thiết giữa ta và xã hội loài người thật rất quan trọng cho đời sống. Từ bộ lạc tiến lên thôn ấp, quốc gia, cũng không ngoài điều quan yếu ấy. Có nhiều người vì không để ý đến điều đó, nên dù sống ở giữa đô thị mà cũng không cảm thông sự quan hệ ấy, ý mình có tiền của, có quyền hành là có tất cả, muốn chi được nấy, không cần nghĩ đến ai khác.

Là Phật tử, trong bốn trọng ân, có ân xã hội là một mà chúng ta phải ghi nhớ.

Hạnh đi trì bình khát thực hằng ngày nhà sư thọ vật thí của bá tánh, nhờ đó mà nuôi sống một cách chơn chánh, giản dị, nhà Sư được sự nhắc nhở rõ rệt hằng ngày ý nghĩa ơn xã hội. Rồi tự xét mình mà siêng năng tu học, giữ gìn tịnh hạnh, để duy trì đạo đức hầu góp phần xây dựng hạnh phúc cho xã hội, phải làm những gì để khỏi phải phạm là kẻ vong ân xã hội.

4. Khước bệnh nhờ vận động cơ thể:

Loài người là một trong các loài động vật. Nhờ có sự điều hoà bốn oai nghi mà thân thể được khoẻ mạnh. Hàng xuất gia rất cần vận động cơ thể, vì không còn làm việc như người thường thể trong việc sinh sống hàng ngày nữa. Nếu không có hạnh trì bình khát thực thì hàng xuất gia ít có việc chi vận động toàn cơ thể. Nhờ đi bộ, đi trì bình, mà thân thể được khoan khoái, kiện kháng. Nhất là ban mai không khí trong lành, nắng sáng không gay gắt, đi trì bình khát thực 1,2 giờ đồng hồ cảm thấy khoẻ khoắn, vui tươi. Nhờ đó mà tinh thần sảng khoái và ít đau ốm.

5. Tạo cơ hội cho bá tánh làm phước:

Phần đông ai ai cũng bận việc công, tư. Người giàu cũng như người nghèo, quan cũng như dân. Vì thế cho nên không rảnh rang đi chùa, làm phước, nhất là người nghèo, hay tự ti mặc cảm, nghĩ tội phạm bản hàn, tiền của chẳng dư, y phục không tốt đẹp, không thì giờ rảnh rỗi và không có lễ vật xứng đáng như mọi người, lại càng không nghĩ đến việc đi chùa; ít nghĩ đến việc làm phước. Lại cũng có đông người chưa hiểu rõ lợi ích của sự bố thí, làm phước nữa. Nhà sư có thì giờ, có bốn phận đi trì bình khát thực để cho bá tánh có cơ hội làm phước dễ dàng và khỏi mất thì giờ. Nếu nhà sư không đi trì bình, cứ ở mãi tại chùa thì chỉ có những người giàu có, dư dả đến chùa dâng cúng, còn những người nghèo khó không có cơ duyên làm phước.

Vật để bát cho nhà sư không cần nhiều, ít mà cần nhất là thí chủ hoan hỷ với vật thực mà tự tay mình để bát cho nhà sư. Một trái chuối, một cái bánh, một chút muối, đường thí chủ vui thích với sự làm phước của mình, tức là người ấy đã gieo duyên lành vào phước điền của Phật giáo. Thí chủ được dịp bố thí, dù là ít ỏi, nhưng việc làm đơn giản này nó có phước báu vô lượng và sẽ mở đường cho việc tu hành giải thoát sau này.

Vì thế, nhà sư còn sức khoẻ, có thì giờ, phải đi trì bình khát thực để tạo cơ hội cho bá tánh dễ dàng gieo trồng thiện duyên trong Phật giáo.

6. Giữ gìn tịnh hạnh để trở nên phước điền:

Bố thí cho kẻ bần nhơn, ăn xin thường thế còn có phước thay, huống là bố thí cho nhà sư, nhất là nhà sư có giới đức. Về phần nhà sư luôn luôn tự xét mình trong việc giữ gìn giới luật, trong sự tinh tấn tu hành, thân tâm không biếng nhác, phải làm như thế nào cho đúng với bổn phận của bậc xuất gia, trở nên phước điền của chư Thiên và nhân loại. Nếu đi trì bình thọ vật thí của bá tánh mà giới hạnh không tinh nghiêm, tu hành không chín chắn, thì không xứng đáng là phước điền, không sánh được với kẻ ăn xin thường thế, mà Đức Phật gọi là kẻ cướp đội lốt nhà sư, sẽ mang lấy bao nhiêu khổ báo sau này. Nhờ hằng suy xét như thế, nhà sư càng thêm cố gắng giữ gìn tịnh hạnh và siêng năng tu học.

7. Rải tâm từ cho tất cả mọi người, tất cả chúng sanh:

Trước khi ra đi khỏi tịnh thất, nhà sư khởi niệm tâm từ, tức bủa tư tưởng lành, rải khắp chúng sanh, nhất là trên bước đường sẽ trải qua. Khi ra đường, nhà sư phải thu thúc lục căn, hướng tâm cầu nguyện cho bá tánh được hạnh phúc an vui, khỏi khổ, khỏi bệnh tật ốm đau và không điều oan trái lẫn nhau.

Không phân biệt tôn giáo, giai cấp, nam nữ, lão ấu, nhà sư mở rộng lòng Từ với tất cả, giữ tâm mềm mại, chan chứa tình thương, nhu hoà trong ngôn ngữ, cử chỉ. Khi đứng trước nhà nào, nhà sư lại phải thu tâm quán tưởng thân bất tịnh, thọ thị khổ, tâm vô thường và pháp vô ngã. Khi trở về chỗ ngụ, nhà sư đi khoan thai, trang nghiêm bằng cách buộc tâm trong pháp niệm từng bước đi một, nhà sư không để tâm phóng túng, gìn giữ oai nghi, tế hạnh, biểu lộ Tăng đồ nhà Phật khác hơn kẻ thế.

8. Truyền bá Phật giáo:

Ở Việt Nam có nhiều nơi đồng bào ta chưa hiểu rõ phước báu của sự để bát, chưa biết hạnh trì bình của nhà sư, chưa hiểu giáo lý Nguyên Thủy của Đạo Phật. Nhà sư đi trì bình khát thực có dịp tiếp xúc với đồng bào để giảng giải giáo lý Đạo Phật,

dù là vất vả, đơn sơ, nhưng rất hữu ích trong việc góp phần hoằng dương Phật Pháp.

Trước khi đi sâu vào sự học hỏi giáo lý Đạo Phật, việc mở đường cho bá tánh bằng nhiều phương tiện, mà hạnh trì bình khát thực là một. Vừa giúp ít cho người vừa lợi cho mình, nhất là sự thực hành giới luật trong Giáo Pháp Phật Giáo Nguyên Thủy Nam Tông.

Hàng xuất gia trong Phật Giáo Nguyên Thủy Nam Tông không vì lý do gì mà lần tránh việc đi trì bình khát thực trừ khi đau ốm và bận việc Phật sự.

Tóm lại đã là nhà sư xuất gia theo chánh pháp của Đức Phật Tổ Thích Ca, có tam y, quả bát thì phải sử dụng cho đúng bốn phận mình, nhất là noi theo gương Đức Phật đã sử dụng thời giờ trong buổi sáng. Một việc làm tuy đơn giản, nhưng bao hàm ý nghĩa sâu xa là lợi mình, lợi người, hàng xuất gia không thể bỏ qua vậy.

Còn phần thí chủ khi tự tay mình để vật thực vào bát của nhà sư, là mình có phước rồi. Thí chủ phải chú nguyện hiến dâng phước báu này đến các bậc ân nhân đã quá vãng, nhất là ông bà, cha mẹ cô bác, anh chị em và nguyện các điều lành khác tùy lòng muốn.

BỐ THÍ VẬT THỰC CÓ 5 QUẢ BÁU:

1. – ÀYU : sống lâu
2. – VANNA : sắc đẹp
3. – SUKHA : an vui
4. – BALA : sức mạnh
5. – PANNÀ : trí tuệ (thấy đời là khổ, thấy đạo là vui)
6. **Sống lâu:** Con người khi sự nuôi mạng được đầy đủ thường thường thì sức khoẻ được phát triển đồng đều sinh mạng được sống đúng với tuổi thọ.

Nếu ăn uống không đầy đủ, thiếu thốn thì sức lực suy kém sinh ra bệnh tật. Vì thế bố thí vật thực cho nhà sư, thí chủ được quả báu sống lâu.

2. **Sắc đẹp:** Khi con người đói khát thì thân hình mỗi một tiêu tụy, tinh thần bạc nhược, nếu thiếu ăn lâu ngày càng gầy ốm héo hon. Trái lại nếu có vật thực ăn uống no đủ thì con người trở nên tươi sáng, mạnh khoẻ, do đó tăng thêm vẻ đẹp, cái quả của sự bố thí vật thực sẽ đem lại cho thí chủ là sẽ được sắc đẹp.
3. **An vui:** Có no đủ mới có an vui, vì nếu thiếu thốn đói khát thì cơ thể suy yếu, do đó tinh thần hao kém, như cây đèn thiếu dầu, tất nhiên ngọn đèn sẽ lu, yếu dần dần rồi tắt hẳn. Con người cũng thế, thiếu ăn thì sẽ khô héo như cây khô nước thiếu phân, nhờ có ăn uống đầy đủ thì tức nhiên sẽ phần chấn

an vui. Cái quả báu an vui sau này sẽ đến cho thí chủ do sự bố thí vật thực hôm nay.

4. **Sức mạnh:** Vật thực hằng ngày ăn vào bồi đắp cho cơ thể được đầy đủ bù vào những sự tiêu hao. Nếu thiếu ăn hay không ăn đi một ngày thì cơ thể thiếu sức bồi bổ, cho nên nhờ được ăn no đủ mà có chất bổ tăng thêm sức mạnh. Thí chủ bố thí vật thực cho nhà sư đầy đủ là giúp thêm sức mạnh, thì tinh thần tráng kiện vững mạnh nhờ đó mà giúp thêm nhà sư đủ năng lực để tu hành. Thí chủ sẽ được phước báu sau này là có đầy đủ sức mạnh.
5. **Trí tuệ:** Nhà sư dù thông minh siêng năng tu học đến đâu mà thiếu sức khoẻ, gầy ốm, đau yếu thì không thể nào tươi tỉnh, sáng suốt được. Có được ăn uống no đủ thân thể kiện Khang, tinh thần phấn chấn nhờ đó mà hành đạo được, mới phát sanh trí tuệ, nhận chân đời là khổ, đạo là vui, mới tinh tấn tu hành thêm nữa để chuyển trí thành giác, thoát khỏi luân hồi sanh tử. Bố thí vật thực sẽ được quả báu trí tuệ, sau này sáng suốt dễ dàng phân biệt nẻo chánh đường tà, tu hành tấn phát, tức là có trí tuệ vậy.

Một việc bố thí tuy của nhiều ít nhưng với tấm lòng hoan hỷ, vui thích, thí chủ có được 5 quả báu kể trên để làm vốn cho bản thân mình trong các kiếp về sau. Dành dụm tiền của, mua sắm ruộng vườn chỉ hưởng trong đời này, nếu khéo gìn giữ; còn trong các kiếp về sau, không đem theo được. Phước báu thí chủ đã bố thí vật thực hôm nay là của dính theo mình trong ngày vị lai không sợ hư mất vậy.

Trong vài mươi năm gần đây, trong đất nước Việt Nam xuất hiện nhiều vị tu sĩ người Việt đi trì bình khát thực, tự xưng là tu Phật, nhưng không thi hành đúng theo tinh thần giới luật của Đức Phật giáo truyền.

Ở Việt Nam, Phật giáo có 2 Tông: Bắc Tông và Nam Tông.

Bắc Tông thì dùng Tam tạng chữ Tàu, chư Tăng mặc áo tràng màu đà, màu lam, không có đi trì bình khát thực.

Nam Tông thì có Tam Tạng Pali, chư Tăng mặc y ca sa vàng và có bình bát là món tùy thân độ nhật. Y ca sa và bình bát đều y theo giới luật Phật, nghĩa là thể thức may y ca sa có kiểu mẫu đúng với ý nghĩa PUNNA KHETAM phước điền cho nhân loại. Bình bát cũng có thể lệ tạo thành, chứ không phải tự ý riêng muốn dùng bình bát lớn, nhỏ hoặc bằng chất gì cũng được.

Trong khi đi trì bình khát thực, từ cách ăn mặc y ca sa, mang bình bát, đến cách đi đứng và thọ vật thực cũng phải làm đúng theo quy tắc của Phật luật đã ấn định. Một điều đáng để ý là nhà sư trong Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam khi đi trì bình thì không đi vào chỗ đông người, tránh chen lấn như trong chợ chằng hạn, và không nhận tiền bạc, gạo thóc. Vật thí, nếu bố thí ít thì vui thích thọ lãnh ít, nếu cho nhiều thì chỉ thọ lãnh vừa đủ để sống qua ngày mạnh khoẻ tu hành lập công bồi đức. Nhà

sur trong Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam cũng không đi cỗ động tiền bạc trong bá tánh để về cất chùa hay làm việc nào khác. Nhà sư trong Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam cũng không được yêu cầu cho thức ăn chay hay mặn, ai muốn bố thí món chi tùy ý, tùy món ăn mình có. Như thế cái chánh nghĩa của hạnh trì bình khát thực mới được biểu dương đúng với tinh thần giới luật của Đức Phật và đem lại phước báu cho người bố thí.

HẾT